

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 30-12-2022

V/v ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Hà Thanh Tuấn

+ Ông Phạm Ngọc Diện

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 449/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Văn H, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn anh Võ Văn H trình bày: Anh và chị T xây dựng gia đình với nhau năm 2018 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng sống chung hòa thuận hạnh phúc đến tháng 7/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không thống nhất việc phát triển kinh tế gia đình nên hay cãi nhau. Do không tìm được biện pháp cải thiện mối quan hệ vợ chồng nên anh chị đã tự sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không liên lạc, nay anh H xác định

không còn tình cảm với chị T nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Về con chung anh H xác định vợ chồng có 01 con chung là Võ Bảo Đ, sinh ngày 11/3/2018. Khi ly hôn anh H đề nghị giao con cho chị T nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị và anh H kết hôn vào tháng 7/2017 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau. Vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm, hai bên gia đình đã hòa giải động viên nhưng không được nên vợ chồng đã tự sống ly thân. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được, do tình cảm vợ chồng không còn nên anh H yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý. Về con chung chị T xác định vợ chồng có 01 con chung là Võ Bảo Đ, sinh ngày 11/3/2018. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị T xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T vắng mặt nên không hòa giải được. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh H, xử cho anh H được ly hôn với chị T. Về con chung đề nghị giao con là Võ Bảo Đ cho chị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh H xác định tự thỏa thuận về tài sản còn chị T xác định không có, về nợ chung các đương sự xác định không có nên không xem xét về tài sản chung và nợ chung. Về án phí: Đề nghị buộc anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T xây dựng gia đình với nhau năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào ngày 26/02/2018. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ năm 2020 nên

anh H làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt nhưng trong đơn ly hôn và bản tự khai anh H xác định không còn tình cảm với chị T còn tại bản tự khai chị T cũng xác định vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nay anh H yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh H và chị T là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình nên cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng lại không tìm được biện pháp cải thiện tình cảm nên đã tự sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân do tình cảm không còn nên các đương sự không liên lạc, không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc cho các đương sự do thời gian ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của anh H, xử cho anh H và chị T được ly hôn.

[3] Về con chung: Anh H và chị T có 01 con chung là Võ Bảo Đ, sinh ngày 11/3/2018, khi ly hôn anh H đề nghị giao con cho chị T nuôi còn chị T cũng có yêu cầu được nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên ghi nhận, giao con cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi con thì chị T không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh H xác định tự thỏa thuận còn chị T xác định không có; về nợ chung các đương sự cùng xác định không có nên không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu khởi kiện.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn H, xử cho anh Võ Văn H và chị Nguyễn Thị T được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con là Võ Bảo Đ, sinh ngày 11/3/2018 cho chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Võ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Anh Võ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010818 ngày 25/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, anh H đã nộp đủ án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quỳnh